

Số: /2021/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2021

(DỰ THẢO)

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về canh tác trên vùng canh tác hữu cơ
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật ngày 25 tháng 11 năm 2013;

*Căn cứ Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2019 của
Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng
và canh tác;*

*Căn cứ Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của
Chính phủ về Nông nghiệp hữu cơ;*

*Căn cứ Thông tư số 16/2019/TT-BNNPTNT ngày 01 tháng 11 năm 2019 của
Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định một số điều của Nghị định số 109/2018/NĐ-CP
ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về Nông nghiệp hữu cơ;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ
trình số /TTr-SNN ngày / /2021 đề nghị ban hành Quy định về canh
tác trên vùng canh tác hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về canh tác trên vùng
canh tác hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(Có Quy định kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2021.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các tổ chức CTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Công báo Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Đài Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- Báo Tuyên Quang;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 3 (thực hiện);
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NLN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về canh tác trên vùng canh tác hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang
*(Ban hành kèm theo Quyết định số/2021/QĐ-UBND ngày tháng ... năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định các biện pháp canh tác áp dụng trên các vùng canh tác hữu cơ được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau đây gọi tắt là vùng canh tác hữu cơ).

2. Đối tượng áp dụng

Các tổ chức, cá nhân được cấp có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất hoặc thuê lại đất nông nghiệp để sản xuất trồng trọt trên vùng canh tác hữu cơ; các tổ chức, cá nhân liên doanh, liên kết sản xuất trồng trọt trên vùng canh tác hữu cơ.

Điều 2. Nguyên tắc canh tác trên vùng canh tác hữu cơ

1. Trên vùng canh tác hữu cơ, trong giai đoạn chuyển tiếp từ sản xuất thông thường sang sản xuất hữu cơ có thể thực hiện song song 3 hình thức canh tác gồm: Canh tác thông thường, canh tác chuyển đổi hữu cơ và canh tác hữu cơ.

2. Từng hình thức canh tác phải tuân thủ các hoạt động canh tác theo quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6 Chương II của Quy định này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Canh tác hữu cơ* là quá trình sử dụng tài nguyên thiên nhiên, trang thiết bị, vật tư nông nghiệp và áp dụng quy trình sản xuất phù hợp tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ để tạo ra các sản phẩm cây trồng hữu cơ.

2. *Canh tác chuyển đổi hữu cơ* là các hoạt động canh tác tuân thủ các yêu cầu của canh tác theo tiêu chuẩn hữu cơ nhưng vẫn trong khoảng thời gian quy định là chuyển đổi hữu cơ.

3. *Vùng canh tác hữu cơ* là vùng canh tác đáp ứng tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ và được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

4. *Sản phẩm cây trồng hữu cơ* là bộ phận thu hoạch của cây trồng (không bao gồm cây lâm nghiệp, cây cảnh) được sản xuất, chứng nhận và ghi nhãn phù hợp theo quy định tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ.

5. *Cây hàng năm* là loại cây được gieo trồng, cho thu hoạch và kết thúc chu kỳ sản xuất trong thời gian không quá 01 năm, kể cả cây hàng năm lưu gốc.

6. *Cây lâu năm* là loại cây được gieo trồng một lần, sinh trưởng trong nhiều năm và cho thu hoạch một hoặc nhiều lần.

CHƯƠNG II

QUY ĐỊNH CÁC HOẠT ĐỘNG CANH TÁC

TRÊN VÙNG CANH TÁC HỮU CƠ

Điều 4. Canh tác thông thường trong vùng canh tác hữu cơ

1. Các hoạt động canh tác không được gây ảnh hưởng đến khu vực sản xuất chuyển đổi hữu cơ và khu vực sản xuất hữu cơ.

a) Phải có bờ bao và mương thoát nước riêng, không được để nước tưới và nước mưa chảy trực tiếp từ vùng sản xuất thông thường sang khu vực sản xuất chuyển đổi hữu cơ và khu vực sản xuất hữu cơ;

b) Áp dụng một trong các biện pháp cách ly (rào cản vật lý, sản xuất cây trồng khác hoặc bố trí khác thời vụ) với khu vực sản xuất chuyển đổi hữu cơ và khu vực sản xuất hữu cơ;

c) Khi phun thuốc bảo vệ thực vật hoặc phân bón vô cơ phải có biện pháp ngăn chặn không được để thuốc hoặc phân bón phát tán sang các khu vực đang sản xuất chuyển đổi hữu cơ và khu vực sản xuất hữu cơ.

2. Các hoạt động canh tác không được làm tăng thêm lượng tồn dư hóa chất, vi sinh vật độc hại trong đất và nguồn nước tưới.

a) Khuyến khích sử dụng các loại phân bón thuộc nhóm phân bón hữu cơ, nhóm phân bón sinh học; thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc từ thực vật (thảo

mộc, thảo dược) để thay thế phân bón vô cơ và thuốc bảo vệ thực vật hóa học. Nếu sử dụng phân bón vô cơ, chất điều hòa sinh trưởng phải tuân thủ đúng quy trình kỹ thuật;

b) Phòng trừ sâu bệnh: Áp dụng biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp (IPM). Hạn chế tối đa việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật hóa học trong canh tác. Chỉ sử dụng thuốc bảo vệ thực vật hóa học để phòng trừ sâu, bệnh hại khi thật sự cần thiết và chỉ được sử dụng các loại thuốc đúng với đối tượng phòng trừ/loại cây trồng có trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam. Sử dụng thuốc phải tuân thủ theo nguyên tắc 4 đúng “*đúng thuốc, đúng lúc, đúng liều lượng và nồng độ, đúng cách*”.

3. Phải bảo quản thuốc bảo vệ thực vật và thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng đúng quy định.

Điều 5. Canh tác chuyển đổi hữu cơ

1. Quá trình sản xuất hữu cơ phải thực hiện giai đoạn chuyển đổi từ sản xuất thông thường. Trong giai đoạn chuyển đổi, các hoạt động canh tác phải tuân thủ các yêu cầu của canh tác theo tiêu chuẩn hữu cơ quy định tại Điều 6 của quy định này và khu vực chuyển đổi hữu cơ phải có bờ bao và mương nước thoát riêng, không được để nước tưới và nước mưa chảy trực tiếp từ khu vực sản xuất chuyển đổi hữu cơ sang khu vực sản xuất hữu cơ.

2. Thời gian sản xuất chuyển đổi bắt đầu từ ngày ghi nhận việc quản lý sản xuất hữu cơ trong hồ sơ hoặc ngày mà tổ chức chứng nhận chấp nhận đơn đăng ký.

a) Đối với cây hàng năm ít nhất 12 tháng cho đến khi gieo hạt hoặc trồng cây;

b) Đối với cây lâu năm ít nhất 18 tháng cho đến khi thu hoạch vụ đầu tiên;

c) Thời gian sản xuất chuyển đổi có thể kéo dài trên cơ sở nhận diện và đánh giá các nguy cơ có liên quan;

d) Không được ghi nhãn liên quan đến hữu cơ đối với sản phẩm trong vòng 36 tháng sau khi sử dụng các chất không được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ;

đ) Thời gian sản xuất chuyển đổi có thể được rút ngắn nếu có bằng chứng về việc không sử dụng các chất cấm làm vật tư, nguyên liệu đầu vào hoặc không thực hiện các hoạt động bị cấm. Thời gian chuyển đổi sau khi rút ngắn không được ít hơn 6 tháng.

Điều 6. Canh tác hữu cơ

Quá trình sản xuất phải tuân thủ theo đúng tiêu chuẩn hữu cơ của Việt Nam hoặc tiêu chuẩn hữu cơ quốc tế đã đăng ký áp dụng và hướng dẫn của tổ chức chứng nhận. Các quy định cụ thể:

1. Quản lý môi trường đất

a) Đất canh tác trong vùng canh tác hữu cơ phải đáp ứng về giới hạn cho phép của một số kim loại nặng và dư lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong đất theo quy định;

b) Canh tác hữu cơ cần đảm bảo duy trì hoặc tăng cường độ phì và hoạt tính sinh học của đất; áp dụng các biện pháp canh tác nhằm chống thoái hóa, xói mòn, ô nhiễm đất và các rủi ro liên quan khác gây mất đất.

2. Quản lý môi trường nước

a) Nước sử dụng trong vùng canh tác hữu cơ phải đáp ứng về chất lượng nước mặt và chất lượng nước dưới đất theo quy định;

b) Nước sử dụng trong canh tác hữu cơ cần được sử dụng hợp lý theo nhu cầu của cây trồng và tránh lãng phí. Phải áp dụng các biện pháp bảo vệ nguồn nước để tránh bị ô nhiễm;

c) Phải có biện pháp ngăn chặn nước tưới thừa và nước mưa chảy trực tiếp từ khu vực sản xuất thông thường, khu vực sản xuất chuyển đổi hữu cơ sang khu vực sản xuất hữu cơ.

3. Quản lý môi trường không khí

Chất lượng môi trường không khí trong vùng canh tác hữu cơ phải được kiểm soát đảm bảo không vượt quá giới hạn cho phép theo quy định.

4. Quản lý sinh vật gây hại

a) Luân canh cây trồng, quản lý dinh dưỡng đối với đất và cây trồng;

b) Vệ sinh để loại bỏ các mầm bệnh, hạt cỏ dại và môi trường sống cho sinh vật gây hại;

c) Sử dụng loài, giống cây trồng có khả năng kháng các loài sinh vật gây hại phổ biến và thích nghi với môi trường;

d) Bảo vệ các loài thiên địch của sinh vật gây hại qua việc tạo môi trường sống thuận lợi: Phóng thích các loài thiên địch, bao gồm cả các loài côn trùng ăn

thịt và các loài ký sinh; trồng cây xua đuổi sinh vật gây hại, cây dẫn dụ thiên địch; dùng bẫy, rào chắn, ánh sáng, nhiệt độ và tiếng động;

đ) Sử dụng các chất có nguồn gốc thực vật, chất khoáng hoặc chế phẩm sinh học không chứa các chất tổng hợp để kiểm soát dịch bệnh; được sử dụng thuốc bảo vệ thực vật nêu trong tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ và có biện pháp ngăn chặn sự tiếp xúc với sản phẩm cây trồng hữu cơ.

5. Quản lý trang thiết bị và vật tư nông nghiệp

a) Trang thiết bị, dụng cụ, vật liệu sử dụng trong canh tác hữu cơ được vệ sinh sạch sẽ trước khi sử dụng. Các thiết bị phòng trừ sinh vật gây hại đã được sử dụng trong sản xuất thông thường không được sử dụng trong sản xuất hữu cơ;

b) Vật tư đầu vào trong canh tác hữu cơ đảm bảo theo quy định tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ; không sử dụng thuốc trừ sâu bệnh, phân bón, chất bảo quản, chất phụ gia là hóa chất tổng hợp; không dùng chất diệt cỏ, sinh vật biến đổi gen, chất kích thích sinh trưởng cây trồng;

c) Giống cây trồng phải được chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ và đáp ứng các quy định, quy chuẩn kỹ thuật khác có liên quan;

d) Phân bón và chất cải tạo đất, thuốc bảo vệ thực vật và chất kiểm soát sinh vật gây hại, chất phụ gia và các vật tư đầu vào khác sử dụng trong canh tác hữu cơ phải đáp ứng tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ và quy định, quy chuẩn kỹ thuật liên quan hoặc được sản xuất từ các nguyên liệu và phương pháp phù hợp tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ.

6. Thu hoạch, sơ chế và chế biến sản phẩm

a) Sự toàn vẹn hữu cơ của sản phẩm phải được đảm bảo và duy trì trong quá trình thu hoạch, sơ chế, chế biến sản phẩm. Cơ sở phải có các biện pháp để ngăn ngừa ô nhiễm và ngăn ngừa việc trộn lẫn sản phẩm cây trồng hữu cơ với sản phẩm cây trồng không hữu cơ;

b) Không sử dụng các công nghệ có hại cho sản xuất cây trồng hữu cơ; sản phẩm, vật tư, nguyên liệu có nguồn gốc từ sinh vật biến đổi gen; bức xạ ion hóa (chiếu xạ) để kiểm soát sinh vật gây hại;

c) Quá trình chế biến phải tuân thủ tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ và đáp ứng các quy định khác có liên quan.

7. Thu gom, xử lý, vận chuyển, sử dụng chất thải và phụ phẩm cây trồng theo đúng quy định.

CHƯƠNG III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm quản lý canh tác trên vùng canh tác hữu cơ trên địa bàn tỉnh

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Tuyên truyền, phổ biến các quy định về canh tác trên vùng canh tác hữu cơ trên địa bàn tỉnh; các quy định về nông nghiệp hữu cơ, chính sách phát triển nông nghiệp hữu cơ của Trung ương và của tỉnh. Tổ chức đào tạo, tập huấn, hướng dẫn về quy trình kỹ thuật canh tác hữu cơ;

b) Tổ chức tuyên truyền, tập huấn, chuyển giao kỹ thuật về sản xuất nông nghiệp hữu cơ để nhân dân mở rộng sản xuất;

c) Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của nhà nước trong hoạt động sản xuất, cấp chứng nhận sản xuất trồng trọt hữu cơ theo quy định;

d) Phối hợp với các đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố giới thiệu các doanh nghiệp, các nhà đầu tư liên kết với các tổ chức, cá nhân có đất sản xuất trong vùng canh tác hữu cơ của tỉnh đầu tư phát triển sản xuất, chế biến các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ;

đ) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về sử dụng đất sản xuất nông nghiệp, bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương và các đơn vị liên quan tổ chức phổ biến áp dụng tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ và quy chuẩn kỹ thuật liên quan trên địa bàn;

b) Tổ chức hội thảo, diễn đàn giới thiệu về công nghệ thiết bị, tiến bộ khoa học và công nghệ ứng dụng trong canh tác hữu cơ.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan thực hiện thanh tra, kiểm tra

định kỳ, đột xuất việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng đất sản xuất nông nghiệp; bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp.

4. Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành, cơ quan liên quan thực hiện quản lý nhà nước đối với sản xuất, kinh doanh thực phẩm từ sản phẩm trồng trọt hữu cơ theo quy định.

5. Hội Nông nghiệp hữu cơ tỉnh Tuyên Quang

a) Chủ động phối hợp với các sở, ngành liên quan; chính quyền và các hội, tổ chức nghề nghiệp ở địa phương tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức cộng đồng về nông nghiệp hữu cơ;

b) Tiếp tục vận động, kết nạp các hội viên có đất sản xuất, có nhu cầu sản xuất hữu cơ trong các vùng canh tác hữu cơ trên địa bàn tỉnh. Tham gia đào tạo, tập huấn, giám sát các hội viên sản xuất, kinh doanh sản phẩm hữu cơ;

c) Tư vấn cho các địa phương xây dựng kế hoạch tổ chức sản xuất trong vùng canh tác hữu cơ trên địa bàn đảm bảo hiệu quả, phát triển bền vững.

6. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Tuyên truyền, phổ biến các quy định về canh tác trong vùng canh tác hữu cơ trên địa bàn; phổ biến các quy định về nông nghiệp hữu cơ, chính sách phát triển nông nghiệp hữu cơ của nhà nước và của tỉnh;

b) Phối hợp với các đơn vị liên quan giới thiệu các doanh nghiệp, các nhà đầu tư liên kết với các tổ chức, cá nhân trong vùng canh tác hữu cơ của địa phương đầu tư phát triển sản xuất, chế biến các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ;

c) Xây dựng kế hoạch và tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về sử dụng đất sản xuất nông nghiệp, bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn;

d) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã có diện tích đất sản xuất thuộc vùng canh tác hữu cơ xây dựng kế hoạch sản xuất hàng năm để nhân dân tổ chức sản xuất;

đ) Chỉ đạo các đơn vị chuyên môn: Tuyên truyền, tập huấn, chuyển giao kỹ thuật về sản xuất nông nghiệp hữu cơ để nhân dân mở rộng sản xuất. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn nhân dân thực hiện các quy định về canh tác trong vùng canh tác hữu cơ; giải quyết các tranh chấp phát sinh trong sản xuất tại vùng canh tác hữu cơ.

7. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Tuyên truyền, phổ biến các quy định về canh tác trong vùng canh tác hữu cơ trên địa bàn; phổ biến các quy định về nông nghiệp hữu cơ, chính sách phát triển nông nghiệp hữu cơ của nhà nước và của tỉnh.

b) Hàng năm tổng hợp nhu cầu sản xuất nông nghiệp hữu cơ của nhân dân để xây dựng và công bố kế hoạch sản xuất trong vùng canh tác hữu cơ thuộc địa phương quản lý để nhân dân tổ chức sản xuất. Kế hoạch sản xuất phải cụ thể từng khu vực sản xuất thông thường, sản xuất chuyển đổi hữu cơ và sản xuất hữu cơ.

c) Hướng dẫn, đôn đốc nhân dân thực hiện các quy định về canh tác trong vùng canh tác hữu cơ trên địa bàn; giải quyết các tranh chấp phát sinh trong sản xuất tại vùng canh tác hữu cơ trên địa bàn

8. Tổ chức, cá nhân canh tác trên vùng canh tác hữu cơ trên địa bàn tỉnh

Tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định về canh tác trong quá trình canh tác trên vùng canh tác hữu cơ trên địa bàn tỉnh. Chịu trách nhiệm khi công bố chất lượng sản phẩm cây trồng theo quy định.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN